

PHÒNG
BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN
KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

Học kỳ 1 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Reading 2 - MH1105031

Mã lớp học phần: MH110503101

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Hồng Dung - (05036)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: Nguyễn Thị Hồng Dung Ký tên: nhue

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010130022	Lê Thị Lan Anh	30/09/2002	<u>Lan</u>	7,9	bảy chín	C22TA1	
2	2210130033	Nguyễn Ngọc Vân Anh	02/10/2003	<u>Vân</u>	6,4	sáu bốn	C24TA	
3	2210130008	Nguyễn Thị Phương Anh	20/10/2004	<u>Phu</u>	7,3	bảy ba	C24TA	
4	2210130013	Lương Y Bình	14/03/2004	<u>Binh</u>	7,4	bảy bốn	C24TA	
5	2210130026	Đặng Nguyễn Kim Hằng	27/06/2004	<u>Hang</u>	6,4	sáu bốn	C24TA	
6	2210130020	Trần Thị Ngọc Hân	07/10/2003	<u>Han</u>	8,1	tám một	C24TA	
7	2210130029	Võ Thị Thanh Hậu	17/05/2004	<u>Hau</u>	5,7	năm bảy	C24TA	
8	2210130035	Hồ Minh Hên	11/04/2004	<u>Hen</u>	6,8	sáu tám	C24TA	
9	2210130030	Đỗ Thị Diệu Linh	25/10/2004	<u>Linh</u>	6,4	sáu bốn	C24TA	
10	2210130023	Cao Thành Long	28/10/2004	<u>Long</u>	6,7	sáu bảy	C24TA	
11	2210130031	Trần Thị Kim Ngân	21/10/2004	<u>Ngan</u>	6,2	sáu hai	C24TA	
12	2210130028	Lưu Hồng Ngọc	07/06/2003	<u>Hong</u>	5,5	năm năm	C24TA	
13	2210130001	Nguyễn Ngọc Yên Nhi	19/11/2003	<u>Nhi</u>	6,9	sáu chín	C24TA	
14	2210130011	Phạm Thị Xuân Nhi	30/05/2004	<u>Nhi</u>	6,5	sáu năm	C24TA	
15	2210130016	Nguyễn Anh Phát	26/02/2004	<u>Phat</u>	9,4	chín bốn	C24TA	
16	2210130002	Phan Ngọc Quyên	17/11/2003	<u>Quy</u>	6,2	sáu hai	C24TA	
17	2210130021	Nguyễn Thị Thanh Tâm	16/11/2004	<u>Tam</u>	7,9	bảy chín	C24TA	
18	2210130025	Dương Minh Thái	17/05/2004	<u>Thai</u>	6,3	sáu ba	C24TA	
19	2210100076	Nguyễn Hoàng Phương Thư	17/04/2004	<u>Phu</u>	8,8	tám tám	C24TA	
20	2210130006	Nguyễn Ngọc Anh Thư	01/04/2004	<u>Thu</u>	7,3	bảy ba	C24TA	
21	2210130007	Nguyễn Huyền Trân	09/05/2004	<u>Tran</u>	5,2	năm hai	C24TA	
22	2210130004	Võ Ngọc Phương Vy	19/04/2003	<u>Vy</u>	7,0	bảy	C24TA	
23	2210130010	Nguyễn Hoàng Phi Yên	27/11/2004	<u>Yen</u>	8,8	tám tám	C24TA	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 23 vắng thi: 0 . Số bài thi: 23 / 23 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 23 / _____

Tỷ lệ đạt: 100 , _____ %

Ngày 28 tháng 09 năm 2023

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

nhue
Nguyễn Thị Hồng Dung

Ngày 28 tháng 09 năm 2023

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

nhue
Nguyễn Thị Hồng Dung



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Reading 2 - MH1105031

Mã lớp học phần: MH110503101

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Hồng Dung - (05036)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: Nguyễn Thị Hồng Dung Ký tên: nhue

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010130022	Lê Thị Lan Anh	30/09/2002	<u>Lan</u>	8,2	tám hai	C22TA1	
2	2210130033	Nguyễn Ngọc Vân Anh	02/10/2003	<u>Vân</u>	8,7	tám bảy	C24TA	
3	2210130008	Nguyễn Thị Phương Anh	20/10/2004	<u>Anh</u>	6,9	sáu chín	C24TA	
4	2210130013	Lương Y Bình	14/03/2004	<u>Bình</u>	9,3	chín ba	C24TA	
5	2210130026	Đặng Nguyễn Kim Hằng	27/06/2004	<u>Hằng</u>	5,4	năm bốn	C24TA	
6	2210130020	Trần Thị Ngọc Hân	07/10/2003	<u>Hân</u>	9,2	chín hai	C24TA	
7	2210130029	Võ Thị Thanh Hậu	17/05/2004	<u>Hậu</u>	6,7	sáu bảy	C24TA	
8	2210130035	Hồ Minh Hên	11/04/2004	<u>Hên</u>	7,1	bảy một	C24TA	
9	2210130030	Đỗ Thị Diệu Linh	25/10/2004	<u>Linh</u>	8,2	tám hai	C24TA	
10	2210130023	Cao Thành Long	28/10/2004	<u>Long</u>	8,3	tám ba	C24TA	
11	2210130031	Trần Thị Kim Ngân	21/10/2004	<u>Ngân</u>	7,7	bảy bảy	C24TA	
12	2210130028	Lưu Hồng Ngọc	07/06/2003	<u>Ngọc</u>	6,9	sáu chín	C24TA	
13	2210130001	Nguyễn Ngọc Yên Nhi	19/11/2003	<u>Nhi</u>	9,4	chín bốn	C24TA	
14	2210130011	Phạm Thị Xuân Nhi	30/05/2004	<u>Nhi</u>	7,4	bảy bốn	C24TA	
15	2210130016	Nguyễn Anh Phát	26/02/2004	<u>Phát</u>	9,1	chín một	C24TA	
16	2210130002	Phan Ngọc Quyên	17/11/2003	<u>Quyên</u>	7,8	bảy tám	C24TA	
17	2210130021	Nguyễn Thị Thanh Tâm	16/11/2004	<u>Tâm</u>	8,0	tám	C24TA	
18	2210130025	Dương Minh Thái	17/05/2004	<u>Thái</u>	5,9	năm chín	C24TA	
19	2210100076	Nguyễn Hoàng Phương Thư	17/04/2004	<u>Thư</u>	8,8	tám tám	C24TA	
20	2210130006	Nguyễn Ngọc Anh Thư	01/04/2004	<u>Thư</u>	9,4	chín bốn	C24TA	
21	2210130007	Nguyễn Huyền Trân	09/05/2004	<u>Trân</u>	7,8	bảy tám	C24TA	
22	2210130004	Võ Ngọc Phương Vy	19/04/2003	<u>Vy</u>	5,3	năm ba	C24TA	
23	2210130010	Nguyễn Hoàng Phi Yên	27/11/2004	<u>Yên</u>	8,7	tám bảy	C24TA	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 23 vắng thi: 0 . Số bài thi: 23 / 23 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 23 / _____

Tỷ lệ đạt: 100 %

Ngày 05 tháng 10 năm 2023

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

nhue
Nguyễn Thị Hồng Dung

Ngày 05 tháng 10 năm 2023

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

nhue
Nguyễn Thị Hồng Dung